



Số: 004905 /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 04219.18



VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH
Tên mẫu : SỮA DINH DƯỠNG CÓ ĐƯỜNG - NHÃN HIỆU VINAMILK STAR
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: M - SDD - 1
Ngày lấy mẫu : 14/03/2018
Lượng mẫu : 02 gói x 220 mL
Ngày nhận mẫu : 15/03/2018
Người gửi mẫu : Ngô Thanh Tuấn
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm
Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Enterobacteriaceae	TCVN 5518-2:2007 [ISO 21528-2:2004 (E)] (b)	< 1 CFU /mL	15/03/2018
2	Listeria monocytogenes	TCVN 7700-2:2007 [ISO 11290-2:1998 with Amendment 1:2004]	< 1 CFU /mL	15/03/2018

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Quá thời hạn lưu mẫu, VYTCC không giải quyết việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm.
- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 và được Bộ Y tế, Bộ Công thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.
- < 1 CFU /mL: được xem như không phát hiện.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2018

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP
KHU VỰC PHÍA NAM

Ths. Nguyễn Đức Thịnh



Ths.Bs Phạm Kim Anh



Số: 004902 /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 04217.18



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH
Tên mẫu : SỮA DINH DƯỠNG CÓ ĐƯỜNG - NHÃN HIỆU VINAMILK STAR
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: M - SDD - 1
Ngày lấy mẫu : 14/03/2018
Lượng mẫu : 03 gói x 220 mL
Ngày nhận mẫu : 15/03/2018
Người gửi mẫu : Ngô Thanh Tuấn
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm
Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Arsen (As) tổng	HD.PP.16/TT.AAS (a)	Không phát hiện MLOD = 0,010 mg/kg	16/03/2018
2	Cadimi (Cd)	HD.PP.16/TT.AAS (a)	Không phát hiện MLOD = 0,010 mg/kg	16/03/2018
3	Thủy ngân (Hg)	HD.PP.04/TT.AAS - Modify AOAC 971.21:2012 (b)	Không phát hiện MLOD = 0,020 mg/kg	16/03/2018
4	Chì (Pb)	HD.PP.08/TT.AAS - Ref. AOAC 973.35 - 2012	Không phát hiện MLOD = 0,010 mg/kg	16/03/2018
5	Melamine	TCVN 9048:2012 (ISO/TS 15495:2010) (a)	Không phát hiện MLOD = 50 µg/kg	16/03/2018
6	Aflatoxin M1	HD.PP.03-1/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,1 µg/kg	17/03/2018

Mã số mẫu: 04217.18

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Quá thời hạn lưu mẫu, VYTCC không giải quyết việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005.
- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 và được Bộ Y tế, Bộ Công thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP
KHU VỰC PHÍA NAM**



Ths. Nguyễn Đức Thịnh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2018

**VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG**



Ths.Bs Phạm Kim Anh



Số: **004906** /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 04221.18

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH
Tên mẫu : SỮA DINH DƯỠNG CÓ ĐƯỜNG - NHÃN HIỆU VINAMILK STAR
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: M - SDD - 1
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 02 gói x 220 mL
Ngày nhận mẫu : 15/03/2018
Người gửi mẫu : Ngô Thanh Tuấn
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm
Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Aldrin và dieldrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	20/03/2018
2	Cyfluthrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,03 mg/kg	20/03/2018
3	Endosulfan	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	20/03/2018
4	DDT	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	20/03/2018
5	Benzylpenicillin	Ref. J.Agric.Food Chem, Vol 63 (2015)	Không phát hiện MLOD = 1,0 µg/kg	17/03/2018
6	Procaïn benzylpenicilin	Ref. J.Agric.Food Chem, Vol 63 (2015)	Không phát hiện MLOD = 1,0 µg/kg	17/03/2018
7	Clortetracyclin	Ref. AOAC 995.09	Không phát hiện MLOD = 1,5 µg/kg	17/03/2018
8	Oxytetracyclin	Ref. AOAC 995.09	Không phát hiện MLOD = 1,5 µg/kg	17/03/2018
9	Tetracyclin	Ref. AOAC 995.09	Không phát hiện MLOD = 1,5 µg/kg	17/03/2018
10	Dihydrostreptomycin	Ref. CLG-AMG2.06 (2013)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	18/03/2018
11	Streptomycin	Ref. CLG-AMG2.06 (2013)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	18/03/2018

Mã số mẫu: 04221.18

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
12	Gentamicin	Ref. CLG-AMG2.06 (2013)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	18/03/2018
13	Spiramycin	Ref. J.Agric.Food Chem, Vol 63 (2015)	Không phát hiện MLOD = 5,0 µg/kg	17/03/2018

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Quá thời hạn lưu mẫu, VYTCC không giải quyết việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2018

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP
KHU VỰC PHÍA NAM



Ths. Nguyễn Đức Thịnh

VIỆN TRƯỞNG

PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Ths.Bs Phạm Kim Anh



Số: **006113** /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 05398.18

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH
Tên mẫu : SỮA DINH DƯỠNG CÓ ĐƯỜNG - VINAMILK STAR
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-STT-18
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 02 bịch x 220 mL
Ngày nhận mẫu : 02/04/2018
Người gửi mẫu : Châu Thúy An
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm
Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Antimon (Sb)	HD.PP.05/TT.AAS-Ref. AOAC 964.16 - 2012	Không phát hiện MLOD = 0,010 mg/kg	04/04/2018

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Quá thời hạn lưu mẫu, VYTCC không giải quyết việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 4 năm 2018

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP
KHU VỰC PHÍA NAM

Ths. Nguyễn Đức Thịnh



PGS.TS.BS Đặng Văn Chính



Số: **006120** /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 05399.18

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH
Tên mẫu : SỮA DINH DƯỠNG CÓ ĐƯỜNG - VINAMILK STAR
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-STT-18
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 04 bịch x 220 mL
Ngày nhận mẫu : 02/04/2018
Người gửi mẫu : Châu Thúy An
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm
Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Cyhalothrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	05/04/2018
2	Deltamethrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 20 µg/kg	05/04/2018
3	Albendazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	05/04/2018
4	Amoxicillin	HD.PP.46/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 3,0 µg/kg	07/04/2018
5	Clenbuterol	HD.PP.43-1/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,014 µg/kg	05/04/2018
6	Colistin	HD.PP.30/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 15,0 µg/kg	07/04/2018
7	Cypermethrin và alpha-cypermethrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 40 µg/kg	05/04/2018
8	Monensin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,5 µg/kg	05/04/2018
9	Dexamethasone	HD.PP.08-1/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,1 µg/kg	07/04/2018
10	Tylosin	HD.PP.46/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 15,0 µg/kg	07/04/2018
11	Ceftiofur	Ref. J.Agric.Food Chem, Vol 63 (2015)	Không phát hiện MLOD = 30,0 µg/kg	07/04/2018

Mã số mẫu: 05399.18

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
12	Lincomycin	Ref. J.Agric.Food Chem, Vol 63 (2015)	Không phát hiện MLOD = 30,0 µg/kg	07/04/2018
13	Neomycin	Ref. CLG-AMG2.06 (2013)	Không phát hiện MLOD = 150 µg/kg	06/04/2018
14	Pirlimycin	Ref. J.Agric.Food Chem, Vol 63 (2015)	Không phát hiện MLOD = 30,0 µg/kg	07/04/2018
15	Spectinomycin	Ref. CLG-AMG2.06 (2013)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	06/04/2018
16	Sulfadimidin	Ref. J.Agric.Food Chem, Vol 63 (2015)	Không phát hiện MLOD = 3,0 µg/kg	07/04/2018
17	Diminazen	Ref. J.AOAC, Vol 86, (2003)	Không phát hiện MLOD = 30,0 µg/kg	07/04/2018
18	Doramectin	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 3,0 µg/kg	07/04/2018
19	Eprinomectin	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 3,0 µg/kg	07/04/2018
20	Febantel	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 50 µg/kg	05/04/2018
21	Fenbendazole	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 50 µg/kg	05/04/2018
22	Oxfendazole	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 50 µg/kg	05/04/2018
23	Imidocarb	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	05/04/2018
24	Isometamidium	Ref. J.Chroma.B, 879 (2011)	Không phát hiện MLOD = 30,0 µg/kg	07/04/2018
25	Ivermectin	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	07/04/2018
26	Thiabendazole	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 50 µg/kg	05/04/2018
27	Trichlorfon (Metrifonat)	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	05/04/2018

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Quá thời hạn lưu mẫu, VYTCC không giải quyết việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 4 năm 2018

**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP
KHU VỰC PHÍA NAM**



Ths. Nguyễn Đức Thịnh

VIỆN TRƯỞNG



PGS.TS.BS Đặng Văn Chính



Số: 006121 /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 05400.18

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH
Tên mẫu : SỮA DINH DƯỠNG CÓ ĐƯỜNG - VINAMILK STAR
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-STT-18
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 04 bịch x 220 mL
Ngày nhận mẫu : 02/04/2018
Người gửi mẫu : Châu Thúy An
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm
Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Bifenthrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	05/04/2018
2	Chlorpyrifos	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	05/04/2018
3	Chlorpyrifos-methyl	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2018
4	Diclorvos	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	05/04/2018
5	Dimethoate	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	05/04/2018
6	Disulfoton	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2018
7	Ethephon	Ref. EURL-SRM, Version 8.1 (2015)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	08/04/2018
8	Fipronil	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	05/04/2018
9	Lindan	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2018
10	Methidathion	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,0005 mg/kg	05/04/2018
11	Chlordane	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,001 mg/kg	05/04/2018

Mã số mẫu: 05400.18

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
12	Diazinon	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	05/04/2018
13	Diphenylamin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,0003 mg/kg	05/04/2018
14	Fenpropathrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,05 mg/kg	05/04/2018
15	Fenvalerate	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,05 mg/kg	05/04/2018
16	Heptachlor	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2018
17	Permethrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,05 mg/kg	05/04/2018
18	Phorate	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2018
19	Piperonyl butoxide	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	05/04/2018
20	Thiabendazole	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 0,05 mg/kg	05/04/2018
21	Abamectin	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 0,004 mg/kg	05/04/2018
22	Acephate	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	05/04/2018
23	Aldicarb	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2018
24	Aminopyralid	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	05/04/2018
25	Amitraz	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2018
26	2,4-D	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,003 mg/kg	03/04/2018
27	Bentazone	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	03/04/2018
28	Bifenazate	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2018
29	Bitertanol	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	05/04/2018
30	Carbaryl	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	05/04/2018
31	Carbendazim	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	05/04/2018
32	Carbofuran	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	05/04/2018
33	Carbosulfan	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,02 mg/kg	05/04/2018
34	Chlormequat	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,15 mg/kg	09/04/2018
35	Chlorpropham	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,0004 mg/kg	05/04/2018
36	Clethodim	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	05/04/2018
37	Clofentezine	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	05/04/2018

Đ/C: 159 Hưng phú, Phường 8, Quận 8, TP.Hồ Chí Minh



Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
38	Cyhexatin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	05/04/2018
39	Cyprodinil	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,0003 mg/kg	05/04/2018
40	Cyromazin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2018
41	Difenoconazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,004 mg/kg	05/04/2018
42	Dimethenamid-p	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2018
43	Dimethipin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2018
44	Dimethomorph	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2018
45	Diquat	Ref. EURL-SRM, Version 8.1 (2015)	Không phát hiện MLOD = 0,003 mg/kg	09/04/2018
46	Dithiocarbamate	Ref. CRL, Version 2 (2009)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	07/04/2018
47	Ethoprophos	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2018
48	Fenamiphos	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,004 mg/kg	05/04/2018
49	Fenbuconazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	05/04/2018
50	Fenbutatin oxide	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	05/04/2018
51	Fenpropimorph	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2018
52	Fludioxonil	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2018
53	Flutolanil	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	05/04/2018
54	Glufosinat-ammonium	Ref. EUL-SRM, Version 8.1 (2015)	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	08/04/2018
55	Imidacloprid	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	05/04/2018
56	Indoxacarb	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,05 mg/kg	05/04/2018
57	Kresoxim-methyl	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2018
58	Methamidophos	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	05/04/2018
59	Methomyl	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	05/04/2018
60	Methoxyfenozide	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2018
61	Myclobutanil	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2018
62	Novaluron	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,2 mg/kg	05/04/2018
63	Oxamyl	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	05/04/2018

Mã số mẫu: 05400.18

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
64	Oxydemeton-methyl	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2018
65	Paraquat	Ref. EURL-SRM, version 8.1 (2015)	Không phát hiện MLOD = 0,0015 mg/kg	09/04/2018
66	Penconazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2018
67	Pirimicarb	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2018
68	Pirimiphos-methyl	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2018
69	Prochloraz	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	05/04/2018
70	Profenofos	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2018
71	Propamocarb	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2018
72	Propiconazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2018
73	Pyraclostrobin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,02 mg/kg	05/04/2018
74	Pyrimethanil	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2018
75	Quinoxifen	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2018
76	Spinosad	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,5 mg/kg	05/04/2018
77	Tebuconazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2018
78	Tebufenozide	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2018
79	Terbufos	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2018
80	Thiacloprid	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	05/04/2018
81	Triadimefon	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2018
82	Triadimenol	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2018
83	Trifloxystrobin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	05/04/2018
84	Vinclozolin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	05/04/2018
85	Dicofol	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,05 mg/kg	05/04/2018
86	Diflubenzuron	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	05/04/2018
87	Famoxadone	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,02 mg/kg	05/04/2018
88	Fenhexamid	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2018
89	Fenpyroximate	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,004 mg/kg	05/04/2018

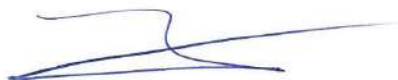
Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
90	Flumethrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	05/04/2018
91	Flusilazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	05/04/2018
92	Methoprene	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,05 mg/kg	05/04/2018
93	Propargite	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,05 mg/kg	05/04/2018

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Quá thời hạn lưu mẫu, VYTCC không giải quyết việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 4 năm 2018

**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP
KHU VỰC PHÍA NAM**



Ths. Nguyễn Đức Thịnh



PGS.TS.BS Đặng Văn Chính

